

Bản án số: **63/2024/HS-PT**

Ngày: 08-4-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Quang**

Các Thẩm phán: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Bà **Nguyễn Diệu Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Tấn Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Tuyết Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 03 và 08 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2024/TLPT-HS ngày 08 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo **Trần Thị Bích N** và **Thái Thị M** do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2023/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Thị Bích N**, sinh ngày 16/3/1980 tại **V, Kiên Giang**; HKTT và nơi cư trú: **khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang**; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hoá: 2/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Trần Bá P** và bà **Trần Thị B**; Chồng tên **Trần Văn Ú**; Con có 01 người con, sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: chưa.

Bị cáo đang được tại ngoại. (Có mặt)

2. **Thái Thị M**, sinh ngày 05/9/1967 tại **V, Kiên Giang**; HKTT và nơi cư trú: **khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang**; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Thái Văn P1** và bà **Nguyễn Thị N1** (đều đã chết); Chồng tên **Lâm Văn T** (đã chết); Con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1990 và nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: chưa.

Bị cáo đang được tại ngoại. (Có mặt)

3. **Huỳnh Thị H**, sinh ngày 01/01/1976 tại **huyện V, tỉnh Kiên Giang**; HKTT và nơi cư trú: **ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang**; Nghề nghiệp: làm ruộng; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không;

Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Huỳnh Văn T1** và bà **Đặng Thị E**; Chồng tên **Châu Sơn H1**; Con có 02 người, lớn nhất sinh năm 1999 và nhỏ nhất sinh năm 2004; Tiền án: 01 (Ngày 26/02/2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xử phạt 04 tháng tù về tội Đánh bạc, chấp hành xong ngày 30/8/2021, chưa xóa án tích); Tiền sự: chưa.

Bị cáo đang được tại ngoại. (Có mặt)

4. **Huỳnh Thị Kim T2**, sinh ngày 28/8/1981 tại **huyện V, tỉnh Kiên Giang**; HKTT và nơi cư trú: **khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang**; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá: 11/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông **Huỳnh Văn T3** và **Phan Thị V**; Chồng **Bùi Văn V1** (ly hôn); Con có 02 người, lớn nhất sinh năm 2001 và nhỏ nhất sinh năm 2006; Tiền án: 01 (Ngày 24/02/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xử phạt tiền 30.000.000 đồng về tội Đánh bạc, chưa chấp hành, chưa xóa án tích); Tiền sự: chưa.

Bị cáo đang được tại ngoại. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho các bị cáo* **Thái Thị M** và **Trần Thị Bích N**: Luật sư **Châu Văn Á** - Văn phòng luật sư **Châu Văn Á** thuộc **đoàn Luật sư tỉnh K**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thấy việc bán số đề có nhiều lợi nhuận nên **Trần Thị Bích N** lợi dụng kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh hàng ngày để thực hiện hành vi bán số đầu, đuôi, lô, số đá tại nhà thuộc **Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang** với cách thức như sau: Đối với **đài M2** thì số đầu là kết quả giải tám xổ số, số đuôi là hai số cuối kết quả giải đặc biệt, số lô là hai số cuối của 18 lô, số đá là 02 số cuối của 18 lô và người mua phải mua 02 cặp số nếu kết quả xổ số có cả 02 cặp số thì trúng thưởng, đối với số lô, số đá người mua 1.000 đồng phải trả tương ứng 15.000 đồng, đối với **đài M3** (Hà Nội) thì số đầu là kết quả 04 số của giải bảy và 02 số cuối giải đặc biệt, người mua phải trả tiền gấp 05 lần số tiền mua số, số lô là hai số cuối của 27 lô, người mua 1.000 đồng phải trả tương ứng 23.000 đồng hoặc 24.000 đồng (tùy người mua số tiền ít hay nhiều). Hình thức ăn thua số đầu, đuôi, lô thì tỷ lệ là **1** (người mua 1.000 đồng trúng được 80.000 đồng), số đá thì tỷ lệ ăn thua 1/600 (người mua 1.000 đồng trúng được 600.000 đồng). Hình thức bán số đề là người mua thông qua điện thoại di động hoặc thông qua tin nhắn Zalo của Nhận để mua số, sau đó Nhận ghi phôi số đề ra tờ giấy tập, khi có kết quả xổ số thì Nhận khoanh tròn các con số trúng, qua ngày hôm sau thì **N** và người mua số thanh toán tiền cho nhau. Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 19/4/2023, **N** đang thực hiện hành vi ghi phôi bán số đề qua điện thoại đài Sóc Trăng cho **Thái Thị M** sinh năm 1967 ngụ **Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang** số đuôi, lô với tổng số tiền là 215.000 đồng; bán cho **Ngô Thị Y** sinh năm 1963 ngụ **ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang** số đầu,

đuôi, lô với tổng số tiền là 250.000 đồng; bán cho **Mai Thị Mỹ N2** sinh năm 1981 ngụ **Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang** số lô số tiền 1.170.000 đồng; bán cho **Nguyễn Thị T4** sinh năm 2000 ngụ **Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang** số đầu, đuôi, lô với tổng số tiền là 250.000 đồng và bán cho một số người khác nhưng không nhớ ai thì bị lực lượng **Công an thị trấn V** phát hiện lập biên bản vi phạm pháp luật quả tang với tổng số tiền bán số đề trong ngày là 2.570.000 đồng, đồng thời qua kiểm tra phát hiện thu giữ nhiều phơi số đề của Nhận. Qua quá trình điều tra, **N** thừa nhận hành vi bán số đề cụ thể như sau:

Vào ngày 18/4/2023, đài Bạc Liêu: Nhận bán số đầu số tiền 50.000 đồng, số đuôi số tiền 50.000 đồng, số lô số tiền là 7.250.000 đồng, trong đó Nhận bán số lô cho **Thái Thị M** số tiền là 5.100.000 đồng; bán số lô cho **Mai Thị Mỹ N2** số tiền là 1.050.000 đồng; bán cho **Ngô Thị Y** số đầu số tiền là 50.000 đồng, số đuôi số tiền 50.000 đồng và bán cho một số người khác nhưng Nhận không nhớ ai, ngoài ra trong ngày **Huỳnh Thị H** sinh năm 1976 ngụ **ấp V, xã T, huyện V, tỉnh Kiên Giang** bán số đầu, đuôi, lô nộ phơi cho **N** với tổng số tiền là 870.000 đồng. Tổng số tiền Nhận bán số đề trong ngày là 7.350.000 đồng, nhận nộ phơi là 870.000 đồng, kết quả xổ số Mười trúng số lô số 36, 24, 60 với số tiền 4.000.000 đồng, **N2** trúng số lô số 78, 22 với số tiền 1.200.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền Nhận tham gia đánh bạc trong ngày đài Bạc Liêu là 13.420.000 đồng, **N** thu lợi số tiền 3.020.000 đồng, **M** tham gia đánh bạc 9.100.000 đồng, **N2** tham gia đánh bạc là 2.250.000 đồng, **H** tham gia đánh bạc là 870.000 đồng và **Y** tham gia đánh bạc là 100.000 đồng.

Ngoài ra, Nhận còn khai nhận bán số đề từ ngày 12/4/2023 đến ngày 17/4/2023 cho nhiều người gồm **Nguyễn Thị Lệ H2** sinh năm 1977 ngụ **Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang**, **Nguyễn Thị T4**, **Thái Thị M** và nhận ôm phơi đề của **Huỳnh Thị H** nhưng tổng số tiền bán số đề và nhận ôm phơi từng ngày đều dưới 5.000.000 đồng. Tổng số tiền **N** thu lợi từ việc bán số đề và ôm phơi đề từ ngày 12/4/2023 đến 17/4/2023 là 6.547.000 đồng.

Đối với **Huỳnh Thị H** đã có 01 tiền án về tội Đánh bạc chưa xóa án tích, với cách thức và hình thức bán số đề như **Trần Thị Bích N**, **H** đã thực hiện hành vi bán số đề nhiều ngày, có ngày tự ôm phơi, có ngày nộ phơi cho **Trần Thị Bích N** và **Huỳnh Thị Kim T2** sinh năm 1981 ngụ **Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang** để hưởng tiền huê hồng, đối với số đầu, đuôi hưởng 15%, số lô Miền Nam bán 1.000 đồng thành tiền là 15.000 đồng, **H** chỉ nộ 14.500 đồng, số lô **Miền B1** bán 1.000 đồng thành tiền là 23.000 đồng, **H** chỉ nộ 22.500 đồng, cụ thể như sau:

- Bán số đề cho **Lê Hoàng K** sinh năm 1969 ngụ **ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Kiên Giang**, nộ phơi cho **Trần Thị Bích N**, cụ thể các ngày như sau:

+ Ngày 12/4/2023, đài Sóc Trăng bán số đầu, đuôi số tiền 800.000 đồng, số lô số tiền 765.000 đồng; đài Hà Nội bán số đầu số tiền 10.000 đồng, số đá số

tiền 115.000 đồng, nộp phơi thu lợi số tiền là 149.000 đồng.

+ Ngày 13/4/2023, đài An Giang bán số đầu, đuôi số tiền 420.000 đồng, nộp phơi thu lợi số tiền 63.000 đồng.

+ Ngày 14/4/2023, đài Trà Vinh bán số đầu, đuôi số tiền 590.000 đồng, số lô số tiền 600.000 đồng, nộp phơi thu lợi số tiền 100.500 đồng.

+ Ngày 16/4/2023, đài K1 bán số đầu, đuôi số tiền 210.000 đồng, số lô số tiền 150.000 đồng, nộp phơi thu lợi số tiền 36.500.000 đồng.

+ Ngày 17/4/2023, đài Đồng Tháp bán số đầu, đuôi số tiền 500.000 đồng, nộp phơi thu lợi số tiền 75.000 đồng.

+ Ngày 18/4/2023, đài Bạc Liêu, bán số đầu, đuôi số tiền 420.000 đồng, số lô số tiền 450.000 đồng, nộp phơi thu lợi số tiền 63.000 đồng.

Tổng số tiền H thu lợi từ việc bán số đề nộp phơi cho N là 487.000 đồng.

- Bán số đề cho Lê Hoàng K nộp phơi cho Huỳnh Thị Kim T2 các ngày như sau:

+ Ngày 07/4/2023, đài Trà Vinh bán số đầu, đuôi số tiền 440.000 đồng, số lô số tiền 450.000 đồng; đài Hà Nội bán số đầu số tiền 60.000 đồng, số đá số tiền 46.000 đồng, nộp phơi thu lợi số tiền 91.000 đồng.

+ Ngày 08/4/2023, đài Long An bán số đầu, đuôi số tiền 1.075.000 đồng, số lô và số đá số tiền 525.000 đồng, nộp phơi thu lợi số tiền 178.750 đồng.

+ Ngày 09/4/2023, đài K1 bán số đầu số tiền 330.000 đồng, số lô số tiền 450.000 đồng, nộp phơi thu lợi số tiền 64.500 đồng.

+ Ngày 15/4/2023, đài An Giang bán số đầu, đuôi số tiền 300.000 đồng, số lô số tiền 150.000 đồng, nộp phơi thu lợi số tiền 50.000 đồng.

Tổng số tiền H thu lợi từ việc bán số đề nộp phơi cho T2 là 384.250 đồng.

- Bán số đề cho người tên H3 (chưa rõ địa chỉ), cụ thể các ngày:

+ Ngày 09/4/2023, đài Kiên Giang bán số đầu, đuôi số tiền 170.000 đồng, số lô số tiền 450.000 đồng; đài Hà Nội bán số lô số tiền 690.000 đồng, kết quả xổ số Hương trúng số 23 số tiền 400.000 đồng, trong ngày H thu lợi số tiền 910.000 đồng.

+ Ngày 10/4/2023, đài Hà Nội bán số lô số tiền 450.000 đồng, kết quả xổ số không trúng, H thu lợi số tiền 450.000 đồng.

+ Ngày 11/4/2023, đài Bạc Liêu bán số đầu, đuôi số tiền 150.000 đồng, số lô 825.000 đồng, kết quả xổ số Hương trúng số 48 số tiền 400.000 đồng; đài Hà Nội bán số lô số tiền 805.000 đồng, kết quả xổ số không trúng, trong ngày H thu lợi số tiền 1.380.000 đồng.

+ Ngày 12/4/2023, đài Sóc Trăng bán số đầu, đuôi số tiền 100.000 đồng, số lô số tiền 825.000 đồng, kết quả xổ số Hương trúng số 89 số tiền 400.000 đồng; đài Hà Nội bán số lô số tiền 690.000 đồng, kết quả xổ số trúng số 57 số tiền 400.000 đồng, trong ngày H thu lợi số tiền 815.000 đồng.

+ Ngày 13/4/2023, đài An Giang bán số đầu, đuôi số tiền 100.000 đồng,

số lô số tiền 675.000 đồng; **đài H5** nám số lô số tiền 690.000 đồng, kết quả xổ số Hường trúng số 38 số tiền 400.000 đồng, trong ngày **H** thu lợi số tiền 1.465.000 đồng.

+ Ngày 15/4/2023, đài Long An bán số đầu, đuôi số tiền 100.000 đồng, số lô 675.000 đồng; đài Hà Nội bán số lô số tiền 575.000 đồng, trong ngày **H** thu lợi số tiền 1.350.000 đồng.

+ Ngày 16/4/2023, **đài K1** bán số đầu, đuôi số tiền 100.000 đồng, số lô số tiền 825.000 đồng, kết quả xổ số trúng số 79 số tiền 400.000 đồng; đài Hà Nội bán số lô số tiền 575.000, kết quả xổ số trúng số 41 số tiền 400.000 đồng, trong ngày **H** thu lợi số tiền 700.000 đồng.

+ Ngày 17/4/2023, đài Đồng Tháp bán số đầu, đuôi số tiền 100.000 đồng, số lô 825.000 đồng, kết quả xổ số trúng số 83 số tiền 400.000 đồng; đài Hà Nội bán số lô số tiền 690.000 đồng, kết quả xổ số trúng số 76, 13 số tiền 800.000 đồng, trong ngày **H** thu lợi số tiền 415.000 đồng.

+ Ngày 18/4/2023, đài Bạc Liêu bán số đầu, đuôi số tiền 100.000 đồng, số lô số tiền 900.000 đồng, trong ngày **H** thu lợi số tiền 1.000.000 đồng.

Tổng số tiền **H** thu lợi từ việc bán số đề là 8.085.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền **H** thu lợi từ việc bán số đề tự ôm phôi và bán số đề nộp phôi cho **N, T2** là 8.956.250 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu OPPO A3S, số seri FC28181F, màu đen, cùng sim 0915.585.276, cũ qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu OPPO A7, số seri IMEI 1: 864267041561952 và số seri IMEI 2: 864267041561945, cùng sim số 0948.016.860, cũ qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu **S** A02S, số seri R9HNC02WQ2S, ốp lưng màu nâu, cùng sim số 0943.484.669, cũ qua sử dụng.

- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, hiệu **S** J4, số seri: R58KC2LKNVZ, cùng sim số 0855.929.101, cũ qua sử dụng.

* *Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 30/2023/HS-ST, ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành **huyện V, tỉnh Kiên Giang** đã quyết định:*

1. *Tuyên bố:* Bị cáo **Trần Thị Bích N, Huỳnh Thị H, Thái Thị M, Huỳnh Thị Kim T2** phạm tội “*Đánh bạc*”

2. *Áp dụng:* Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo **Trần Thị Bích N** 06 tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Thái Thị M** 06 tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù

được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt **Huỳnh Thị H** 06 tháng tù, tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Huỳnh Thị Kim T2** 06 tháng tù, tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án

- Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hình sự, quyền kháng cáo và biện pháp tư pháp theo luật định.

Ngày 06/12/2023 bị cáo **Huỳnh Thị H** và **Huỳnh Thị Kim T2**, có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 06/12/2023 bị cáo **Thái Thị M** và **Trần Thị Bích N** có đơn kháng cáo nội dung xin được hưởng án treo và cải tạo không giam giữ hoặc hình phạt tiền.

Ngày 02/4/2024 bị cáo **Huỳnh Thị H** và **Huỳnh Thị Kim T2** có đơn xin rút lại toàn bộ nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo **Thái Thị M** và **Trần Thị Bích N** thừa nhận Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là đúng tội danh của các bị cáo. Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo **Thái Thị M** 06 tháng tù và **Trần Thị Bích N** tù về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt các bị cáo với mức án như trên là phù hợp tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tuy nhiên xét thấy về nhân thân các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự mới phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ích nghiêm trọng, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **M** 06 tháng tù và bị cáo **N** 06 tháng tù là có phần hơi nghiêm khắc. Xét thấy chỉ cần xử phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ răn đe giáo dục các bị cáo. Nên việc kháng cáo của các bị cáo là có cơ sở để chấp nhận đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo chuyển hình phạt cho các bị cáo từ hình phạt tù sang hình phạt tiền, xử phạt bị cáo **Thái Thị M** 20.000.000 đồng và bị cáo **Trần Thị Bích N** 30.000.000 đồng.

Căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo **Huỳnh Thị H** và **Huỳnh Thị Kim T2**.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Quan điểm của luật sư **Châu Văn Á** bào chữa cho bị cáo **Thái Thị M** và **Trần Thị Bích N***: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc đề nghị chuyển hình phạt cho các bị cáo từ hình phạt tù sang hình phạt tiền là phù hợp thể hiện tình khoan hồng của pháp luật, do đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

* *Lời nói sau cùng của các bị cáo*: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được chuyển sang hình phạt tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của các bị cáo về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo đã đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của Bản án sơ thẩm:

Vào ngày 18/4/2023, tại nhà thuộc **Khu phố V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang**, **Trần Thị Bích N** đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số đề đài Bạc Liêu với tổng số tiền bán và trúng là 13.420.000 đồng. **Thái Thị M** thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức mua số đề với tổng số tiền mua và trúng là 9.100.000 đồng. **Huỳnh Thị H** đã có 01 tiền án về tội đánh bạc chưa xóa án tích, từ ngày 07/4/2023 đến ngày 18/4/2023 đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức bán số đề, số tiền bán số đề từng ngày đều dưới 5.000.000 đồng. Do đó, bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo **Thái Thị M** và **Trần Thị Bích H4** về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo **M** với mức án 06 tháng tù và bị cáo **N** mức án là 06 tháng tù là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm xong, bị cáo **Thái Thị M** và **Trần Thị Bích N** có đơn kháng cáo với nội dung xin được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ hoặc chuyển sang hình phạt tiền và **Huỳnh Thị H** và **Huỳnh Thị Kim T2**, có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài phục vụ

cho nhu cầu cá nhân mà không cần phải lao động vất vả bị cáo đã nảy sinh tư tưởng hám lợi từ đồng tiền bất chính. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo **M** 06 tháng tù, bị cáo **T2** 06 tháng tù, bị cáo **H** 06 tháng tù và bị cáo **N** 06 tháng tù là có căn cứ, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên phiên toà bị cáo **T2** và bị cáo **H** xin rút lại toàn bộ nội dung kháng cáo, do đó Hội đồng xét xử sẽ đình chính xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị cáo **T2** và bị cáo **H**

Xét đơn kháng cáo của bị cáo **M** và bị cáo **N**. Hội đồng xét xử xét thấy, xét về nhân thân các bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án tiền sự, mới phạm tội lần đầu thuộc trường ích nghiêm trọng.

Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án này Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo **N** là người đầu vụ bị cáo là người bán số đề các bị cáo khác và cũng là người gom phôi đề từ bị cáo **H** và bị cáo **T2** nhưng cấp sơ thẩm lại xử phạt bị cáo **N** mức án 06 tháng tù bằng với bị cáo **H**, **T2** và **M** là nhẹ so với hành vi của bị cáo **N**, nên việc kháng cáo xin được hưởng án treo, cải tạo không giam giữ hoặc chuyển sang hình phạt tiền của bị cáo **N** là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với bị cáo **M** với vai trò chỉ là người tham gia mua số của bị cáo **N** tham gia với vai trò không đáng kể nhưng cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo **M** 06 tháng tù bằng với mức án của bị cáo **N** là có phần hơi nghiêm khắc, do đó kháng cáo xin được chuyển sang hình phạt tiền của bị cáo **M** là có căn cứ để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của **M**, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **N**; sửa bản án sơ thẩm.

[4] Về quan điểm của Kiểm sát viên: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm chuyển khung hình phạt cho các bị cáo từ hình phạt tù sang hình phạt tiền là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo **M**, không chấp nhận đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo **N**.

[5] Về quan điểm của luật sư bào chữa cho các bị cáo là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đối với bị cáo **M**, không chấp nhận đối với kháng cáo đối với bị cáo **N**.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo **N** không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo **M** được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo **Huỳnh Thị H** và **Huỳnh Thị Kim T2**.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Trần Thị Bích N**.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Thái Thị M** sửa bản án sơ thẩm số: 30/2023/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Bị cáo **Trần Thị Bích N** **06 tháng tù** về tội “Đánh bạc”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Thái Thị M** **20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)** về tội “Đánh bạc”.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo **Trần Thị Bích N** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo **Thái Thị M1** không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 30/2023/HS-ST ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 (1);
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM (1);
- TAND Cấp cao tại **Tp . HCM** (1);
- VKSND tỉnh KG (1);
- Sở Tư pháp tỉnh KG (1);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh KG (1);
- Bị cáo (1);
- Cơ quan điều tra huyện (1)
- VKS huyện (1)
- Tòa án huyện (1)
- Thi hành án hình sự huyện (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện (1)
- Tổ hành chính tư pháp (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu tòa hình sự (5).

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Quang